

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy thầu với một số mặt hàng thuốc chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (mã hiệu: ĐTTT.02.2021) do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện

## GIÁM ĐỐC

### TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 08 năm 2020 của Bộ Y tế Ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 4325/QĐ-BYT ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 4535/QĐ-BYT ngày 24/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt bổ sung nội dung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TTMS ngày 24/9/2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;



Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-TTMS ngày 13/10/2021; Quyết định số 85/QĐ-TTMS ngày 28/10/2021; Quyết định số 86/QĐ-TTMS ngày 10/11/2021; Quyết định số 94/QĐ-TTMS ngày 24/11/2021; Quyết định số 98/QĐ-TTMS ngày 06/12/2021; Quyết định số 01/QĐ-TTMS ngày 05/01/2022; Quyết định số 04/QĐ-TTMS ngày 21/01/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia về việc gia hạn thời điểm đóng thầu và mở thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTMS ngày 08/12/2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia về việc sửa đổi quyết định số 98/QĐ-TTMS ngày 06/12/2021;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-TTMS ngày 22/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (mã hiệu: ĐTTT.02.2021);

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-TTMS ngày 22/7/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (mã hiệu: ĐTTT.02.2021);

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung giữa Bên mời thầu và các nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-TTMS ngày 03/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (mã hiệu: ĐTTT.02.2021);

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-TTMS ngày 12/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia về việc phê duyệt bổ sung kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (mã hiệu: ĐTTT.02.2021);

Theo đề nghị của phòng Nghiệp vụ đấu thầu.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hủy thầu đối với 20 mặt hàng thuốc chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (mã hiệu: ĐTTT.02.2021) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 4325/QĐ-BYT ngày 08/9/2021 và 4535/QĐ-BYT ngày 24/9/2021 (phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Trung tâm, Trưởng các phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu VT, NVĐT.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Thanh Dũng**



BỘ Y TẾ  
TRUNG TÂM MUA SẮM  
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC: HỦY THẦU ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỐC CHƯA CÓ KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU  
GÓI THẦU SỐ 02: CUNG CẤP THUỐC CHO CÁC TỈNH MIỀN TRUNG VÀ KHU VỰC TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2022-2023  
(MÃ HIỆU: ĐTTT.02.2021)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... 67 ...../QĐ-TTMS ngày ..... 24 ..... tháng 8 năm 2022)

STT	STT HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Lý do hủy thầu
1	2	C08CA01.01.01.N2	Amlodipin	5mg	Uống	viên	Nhóm 2	Viên	45.258.324	196	8.870.631.504	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
2	4	J01CR02.01.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	500mg + 125mg	Uống	viên	Nhóm 2	Viên	6.384.962	3.135	20.016.855.870	03 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
3	7	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	875mg + 125mg	Uống	viên	Nhóm 2	Viên	9.894.797	3.570	35.324.425.290	02 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
4	30	J01DC02.01.01.N1	Cefuroxim	250mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	884.493	6.050	5.351.182.650	Không có nhà thầu tham dự
5	33	J01DC02.04.06.N2	Cefuroxim	1,5g	tiêm/truyền	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Nhóm 2	chai/lọ/túi/ống	540.388	21.200	11.456.225.600	02 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
6	37	J01MA02.01.01.N2	Ciprofloxacin	500mg	Uống	viên	Nhóm 2	Viên	8.257.105	630	5.201.976.150	Không có nhà thầu tham dự
7	42	L01CD02.01.06.N1	Docetaxel	20mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Nhóm 1	chai/lọ/túi/ống	24.855	321.995	8.003.185.725	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu thương thảo không thành công
8	43	L01CD02.02.06.N1	Docetaxel	80mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Nhóm 1	chai/lọ/túi/ống	22.452	699.500	15.705.174.000	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu thương thảo không thành công
9	45	A02BC05.01.04.N2	Esomeprazol	20mg	Uống	viên nang	Nhóm 2	Viên	9.569.141	1.250	11.961.426.250	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật

*lu*



STT	STT HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Lý do hủy thầu
10	60	J01MA12.01.06.N2	Levofloxacin	500mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Nhóm 2	chai/lọ/túi/ống	459.231	19.399	8.908.622.169	Không có nhà thầu tham dự
11	73	A10BA02.01.01.N2	Metformin hydroclorid	500mg	Uống	viên	Nhóm 2	Viên	18.193.280	325	5.912.816.000	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
12	77	A02BC01.01.01.N2	Omeprazol	20mg	Uống	viên	Nhóm 2	Viên	13.793.363	215	2.965.573.045	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu thương thảo không thành công
13	79	A02BC01.01.04.N2	Omeprazol	20mg	Uống	viên nang	Nhóm 2	Viên	13.776.278	215	2.961.899.770	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu thương thảo không thành công
14	82	A02BC01.02.07.N2	Omeprazol	40mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm đông khô	Nhóm 2	chai/lọ/túi/ống	868.232	20.800	18.059.225.600	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đạt đánh giá về tài chính
15	84	L01XA03.01.06.N2	Oxaliplatin	50mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Nhóm 2	chai/lọ/túi/ống	13.892	265.000	3.681.380.000	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
16	85	L01XA03.01.07.N1	Oxaliplatin	50mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm đông khô	Nhóm 1	chai/lọ/túi/ống	3.492	373.000	1.302.516.000	Không có nhà thầu tham dự
17	89	L01CD01.01.06.N2	Paclitaxel	30mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Nhóm 2	chai/lọ/túi/ống	9.534	200.000	1.906.800.000	01 nhà thầu tham dự, sản phẩm dự thầu không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật
18	94	N02BE01.01.06.N2	Paracetamol (Acetaminophen)	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Nhóm 2	chai/lọ/túi/ống	2.122.676	18.060	38.335.528.560	Không có nhà thầu tham dự
19	97	N02AJ13.01.05.N1	Paracetamol (Acetaminophen) + Tramadol	325mg + 37,5mg	Uống	viên sủi	Nhóm 1	Viên	3.837.340	6.400	24.558.976.000	Không có nhà thầu tham dự
20	99	N06BX03.01.01.N1	Piracetam	800mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	16.284.009	1.245	20.273.591.205	Không có nhà thầu tham dự

